TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 27/8/2019
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN,TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Minh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa*** : Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2019/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Thẩm Thị Th – sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, (có mặt).

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ph – sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Thẩm Thị Th trình bày:

Về hôn nhân : Chị và anh Nguyễn Văn Ph kết hôn ngày 20/02/2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hòa thuận, không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xung đột. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở sống ly thân từ tháng 02 năm 2019, không quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, không thể sống chung với nhau được nữa. Nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph.

Về con chung: Chị và anh Ph có 01 con chung là Nguyễn Thẩm Bảo A – sinh ngày 27/6/2013. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu A cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 24/5/2019 và tại phiên tòa chị Th đề nghị giao cháu A cho anh Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bởi vì cháu A hiện tại đang ở với anh Ph, được anh Ph chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định và chị Th đề nghị được cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ cùng anh Ph mỗi tháng 1.000.000đ(*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Ph theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Ph không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên không có ý kiến của anh Ph về việc chị Th yêu cầu ly hôn. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có mặt chị Th, vắng mặt anh Ph nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 08/8/2019 anh Ph vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh Ph vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Ph.

* Do vụ án liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật. Nguyên đơn chị Thẩm Thị Th đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn anh Nguyễn Văn Ph không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thẩm Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về tố tụng theo quy định của pháp luật. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Ph cố tình vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay anh Ph vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Ph.

[2] Về hôn nhân: Chị Thẩm Thị Th và anh Nguyễn Văn Ph kết hôn ngày 20/02/2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị Th là hoàn toàn chính đáng, bởi trong quá trình giải quyết vụ án và qua xác minh được biết cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, xung đột, cải vã lẫn nhau, mâu thuẫn không thể giải quyết được. Chị Th đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 02 năm 2019, sống ly thân không quan tâm đến nhau. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án anh Ph cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chứng tỏ, anh Ph không có sự níu kéo, không mong muốn đoàn tụ, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thẩm Thị Th đối với anh Nguyễn Văn Ph.

[3] Về con chung: Chị Thẩm Thị Th và anh Nguyễn Văn Ph có 01 con chung là Nguyễn Thẩm Bảo A – sinh ngày 27/6/2013. Xét thấy, cần giao cháu A cho anh Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế. Bởi vì, qua xác minh được biết, hiện cháu A đang ở cùng với anh Ph, được anh Ph chăm sóc, nuôi dưỡng, học hành ổn định. Hơn nữa, chị Th đề nghị giao cháu A cho anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng vì chị không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đối với yêu cầu của chị Th về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ cùng anh Ph với mức 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Bảo A đủ 18 tuổi. Như vậy, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Anh Nguyễn Văn Ph không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, cần dành quyền dân sự cho anh Ph khi có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Thẩm Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thẩm Thị Th. Cho chị Thẩm Thị Th ly hôn anh Nguyễn Văn Ph.

* Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thẩm Bảo A – sinh ngày 27/6/2013 cho anh Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ là 1.000.000đ(*Một triệu đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi cháu Nguyễn Thẩm Bảo A đủ 18 tuổi. Chị Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, anh Ph không được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành không thi hành, thì hàng tháng người phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

* Dành quyền dân sự cho anh Nguyễn Văn Ph khi có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản.

* Về án phí: Chị Thẩm Thị Th phải nộp 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Tổng cộng là 600.000đ(*Sáu trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0005079, ngày 15/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chị Th còn phải nộp 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng)*.

* Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Ph được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Hùng